

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-30
Phụ lục 01: Thông tin về các khoản vay ngắn hạn	31
Phụ lục 02: Thông tin về các khoản vay dài hạn	32

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch	
Ông Trần Tuấn	Ủy viên	
Ông Phạm Thế Dũng	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 01/12/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 01/09/2021
Ông Phạm Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Tiếp tục bổ nhiệm từ 05/05/2021 Miễn nhiệm từ 01/12/2021
Ông Nguyễn Đức Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 01/09/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thủy Hương	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên	
Bà Trần Nguyệt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm từ 24/06/2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

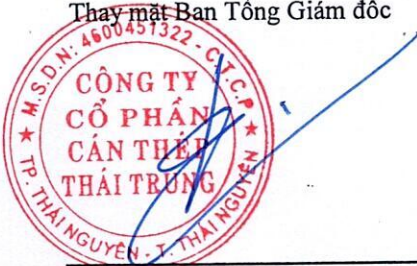
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Tuấn

Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 11 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2021, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 358,57 tỷ đồng, lỗ lũy kế 218,93 tỷ đồng tương ứng 43,1% vốn góp của chủ sở hữu. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở thuyết minh số 01 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục do các nguyên nhân được Công ty trình bày tại thuyết minh số 01, cụ thể:

1. Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu.
2. Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 227,84 tỷ tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 xuống còn 218,93 tỷ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2019-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	đã điều chỉnh VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		508.444.378.319	498.240.283.536
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.595.815.784	2.037.917.025
111	1. Tiền		3.595.815.784	2.037.917.025
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		422.538.191.100	469.225.778.524
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	419.571.660.638	469.017.296.688
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.885.324.800	103.924.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	255.486.615	278.837.989
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(174.280.953)	(174.280.953)
140	IV. Hàng tồn kho	8	75.796.447.590	25.441.906.925
141	1. Hàng tồn kho		75.796.447.590	25.441.906.925
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.513.923.845	1.534.681.062
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.770.515.626	1.534.681.062
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.743.408.219	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		845.866.343.080	907.044.547.300
220	II. Tài sản cố định		819.472.896.876	880.207.259.347
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	819.427.183.238	880.135.423.641
222	- Nguyên giá		1.258.463.491.923	1.258.140.262.995
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(439.036.308.685)	(378.004.839.354)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	45.713.638	71.835.706
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(200.286.362)	(174.164.294)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.393.446.204	26.837.287.953
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	26.393.446.204	26.837.287.953
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.354.310.721.399	1.405.284.830.836

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	đã điều chỉnh VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.065.237.569.706	1.125.120.627.989
310	I. Nợ ngắn hạn		867.014.282.649	856.897.340.932
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	554.792.020.083	526.194.007.898
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.625.087.770	1.078.312.011
314	3. Phải trả người lao động		8.392.661.826	5.215.073.816
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	534.273.161	885.408.163
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.128.004.680	4.913.759.107
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	298.542.235.129	318.610.779.937
330	II. Nợ dài hạn		198.223.287.057	268.223.287.057
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	198.223.287.057	268.223.287.057
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		289.073.151.693	280.164.202.847
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	289.073.151.693	280.164.202.847
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(218.926.849.774)	(227.835.798.620)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(227.835.798.620)	(256.706.166.417)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		8.908.948.846	28.870.367.797
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.354.310.721.399	1.405.284.830.836

UFB

Nguyễn Thị Minh Châu



Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng

Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	đã điều chỉnh VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	6.066.998.508.373 ✓	4.311.770.772.304 -
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.066.998.508.373	4.311.770.772.304 -
11	4. Giá vốn hàng bán	20	5.991.812.076.154 ✓	4.219.338.485.620 -
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.186.432.219 ✓	92.432.286.684 -
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.189.177 -	8.035.558 -
22	7. Chi phí tài chính	22	47.536.135.119 -	56.199.621.523 -
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		47.385.685.442 -	55.996.760.559 -
25	8. Chi phí bán hàng	23	174.623.500 -	252.349.817 -
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	13.732.288.095	12.076.521.832 -
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.752.574.682 -	23.911.829.070 -
31	11. Thu nhập khác	25	174.306.231 -	5.417.812.502 -
32	12. Chi phí khác	26	73.844.297 -	459.273.775 -
40	13. Lợi nhuận khác		100.461.934 -	4.958.538.727 -
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.853.036.616 ✓	28.870.367.797 -
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	4.944.087.770 -	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.908.948.846</u>	<u>28.870.367.797</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	175 -	568 -

ƯTB

Nguyễn Thị Minh Châu



Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng

Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	đã điều chỉnh VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.853.036.616 /	28.870.367.797 /
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		61.057.591.399 /	61.049.008.478 /
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.189.177) /	(8.032.589) /
06	- Chi phí lãi vay		47.385.685.442 /	55.996.760.559 /
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		122.287.124.280 /	145.908.104.245 /
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		43.944.179.205 /	(143.936.059.163) /
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(50.354.540.665) /	19.187.902.477 /
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		30.777.080.986 /	98.428.837.271 /
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.791.992.815) /	6.200.317.785 /
14	- Tiền lãi vay đã trả		(49.601.367.673) /	(95.036.976.643) /
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.320.000.000) /	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		91.940.483.318 /	30.752.125.972 /
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(323.228.928) /	(2.978.879.959) /
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.189.177	8.032.589
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(314.039.751) /	(2.970.847.370) /
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		627.458.743.065 /	636.170.512.867 /
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(717.527.287.873) /	(662.130.157.320) /
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(90.068.544.808) /	(25.959.644.453) /

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	đã điều chỉnh VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.557.898.759 ✓	1.821.634.149 ✓
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.037.917.025 ✓	216.282.876 ✓
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.595.815.784 ✓</u>	<u>2.037.917.025 ✓</u>

UHR

17/11/2022



Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng

Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 508.000.001.467 đồng; tương đương 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 274 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 268 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sắt, thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2021, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 358,57 tỷ đồng, lỗ lũy kế 218,93 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu.

Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 227,84 tỷ đồng tại ngày 01/01/2021 xuống còn 218,93 tỷ đồng tại ngày 31/12/2021. Chính vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

Trong năm 2021, giá nhập các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất của Công ty như phôi thép, nhiên liệu ... tăng mạnh. Tuy giá bán thành phẩm của Công ty có điều chỉnh tăng nhưng việc điều chỉnh tăng sẽ không tương ứng với tốc độ tăng giá các yếu tố đầu vào ... Chính vì vậy, tuy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 có tăng trưởng mạnh nhưng lợi nhuận sụt giảm so với năm 2020.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCDN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Ngoại trừ Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất được trích theo phương pháp sản lượng. Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.8 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, lãi chậm thanh toán ... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	81.720.277 -	96.239.602-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.514.095.507 -	1.941.677.423-
	<u><u>3.595.815.784 -</u></u>	<u><u>2.037.917.025 -</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	419.397.379.685	-	468.797.795.235	-
Phải thu khách hàng khác	174.280.953	(174.280.953)	219.501.453	(174.280.953)
	<u>419.571.660.638</u>	<u>(174.280.953)</u>	<u>469.017.296.688</u>	<u>(174.280.953)</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>419.397.379.685</u>	<u>-</u>	<u>468.797.795.235</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Glory Thành Đô	2.249.000.000	-	-	-
Công ty TNHH cơ khí - thương mại Lê Duyên Anh	587.400.000	-	-	-
Công ty CP Định giá và Tư vấn đầu tư Quốc tế	-	-	55.000.000	-
Các đối tượng khác	48.924.800	-	48.924.800	-
	<u>2.885.324.800</u>	<u>-</u>	<u>103.924.800</u>	<u>-</u>

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu người lao động về bảo hiểm bắt buộc	170.196.594	-	166.045.286	-
Tạm ứng	25.000.000	-	8.265.000	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000	-
Phải thu khác	290.021	-	44.527.703	-
	<u>255.486.615</u>	<u>-</u>	<u>278.837.989</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	136.505.633 ✓	-	136.505.633 ✓	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320 ✓	-	37.775.320 ✓	-
	174.280.953 ✓	-	174.280.953 ✓	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021 (đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.275.574.037 ✓	-	24.578.944.132 ✓	-
Công cụ, dụng cụ	957.147.582 ✓	-	862.962.793 ✓	-
Thành phẩm	39.563.725.971 ✓	-	-	-
	75.796.447.590 ✓	-	25.441.906.925 ✓	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31/12/2021 lần lượt là 246.000.000 đồng và 200.286.362 đồng. Khấu hao trong năm là 26.122.068 đồng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa thường xuyên và công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.093.627.707 ✓	1.056.470.756 ✓
Chi phí mua bảo hiểm	451.520.419 ✓	478.210.306 ✓
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	225.367.500 ✓	-
	3.770.515.626 ✓	1.534.681.062 ✓
b) Dài hạn		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa thường xuyên xuất dùng	2.886.148.566 ✓	4.930.950.215 ✓
Vật liệu phụ phục vụ sản xuất (*)	23.507.297.638 ✓	21.890.608.738 ✓
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	15.729.000 ✓
	26.393.446.204 ✓	26.837.287.953 ✓

(*) Vật liệu phụ phục vụ sản xuất là các phụ kiện phục vụ cán thép như trục cán, con lăn, lưỡi dao cắt ... có thời gian phân bổ trên 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị (đã điều chỉnh)		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	164.411.326.048	896.272.799.678	197.305.440.949	150.696.320	1.258.140.262.995					
- Mua trong năm	-	281.628.928	-	41.600.000	323.228.928					
Số dư cuối năm	164.411.326.048	896.554.428.606	197.305.440.949	192.296.320	1.258.463.491.923					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	45.000.000.243	289.356.094.537	43.498.048.254	150.696.320	378.004.839.354					
- Khấu hao trong năm	7.051.236.840	44.027.943.281	9.947.212.223	5.076.987	61.031.469.331					
Số dư cuối năm	52.051.237.083	333.384.037.818	53.445.260.477	155.773.307	439.036.308.685					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	119.411.325.805	606.916.705.141	153.807.392.695	-	880.135.423.641					
Tại ngày cuối năm	112.360.088.965	563.170.390.788	143.860.180.472	36.523.013	819.427.183.238					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 818.365.877.033 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.177.619.468 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	534.370.253.967 ✓	534.370.253.967	504.777.520.129	504.777.520.129
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ xăng dầu Đình Vũ	7.724.751.411 ✓	7.724.751.411	10.242.919.076	10.242.919.076
Phải trả các đối tượng khác	12.697.014.705	12.697.014.705	11.173.568.693	11.173.568.693
	<u>554.792.020.083</u> ✓	<u>554.792.020.083</u> ✓	<u>526.194.007.898</u> ✓	<u>526.194.007.898</u> ✓
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>534.370.253.967</u> -	<u>534.370.253.967</u> -	<u>504.777.520.129</u> -	<u>504.777.520.129</u> -

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THIỆP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số bù trừ tiền thu thừa theo quyết toán		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.078.312.011	-	14.952.340.452	-	16.030.652.463	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	4.944.087.770	-	3.320.000.000	-	-	-	-	-	-	-	1.624.087.770
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	-	85.118.661	-	83.223.057	-	895.604	-	-	-	-	-	1.000.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	-	255.409.065	-	255.409.065	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	1.078.312.011	-	20.239.955.948	-	19.692.284.585	-	895.604	-	-	-	-	-	1.625.087.770

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	524.038.545	872.639.347
- Chi phí phải trả khác	10.234.616	12.768.816
	534.273.161	885.408.163

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	96.980.824	94.208.059
- Phải trả lãi vay	2.834.593.677	4.701.675.106
+ <i>Lãi chậm thanh toán của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Quỳnh Minh</i>	-	1.017.531.106
+ <i>Lãi chậm thanh toán của Hợp tác xã vận tải Ô Tô Tân Phú</i>	2.834.593.677	3.684.144.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	196.430.179	117.875.942
	3.128.004.680	4.913.759.107

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên ⁽¹⁾	248.610.779.937	248.610.779.937	627.458.743.065	647.527.287.873	228.542.235.129	228.542.235.129
- Nợ dài hạn đến hạn trả	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả (2)	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
	318.610.779.937	318.610.779.937	697.458.743.065	717.527.287.873	298.542.235.129	298.542.235.129
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	338.223.287.057	338.223.287.057	-	70.000.000.000	268.223.287.057	268.223.287.057
	338.223.287.057	338.223.287.057	-	70.000.000.000	268.223.287.057	268.223.287.057
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	268.223.287.057	268.223.287.057			198.223.287.057	198.223.287.057

Thông tin bổ sung về các khoản vay được trình bày tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02.

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối (đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	508.000.001.467	(256.706.166.417)	251.293.835.050
Lãi/lỗ trong năm trước	-	28.870.367.797	28.870.367.797
Số dư cuối năm trước	508.000.001.467	(227.835.798.620)	280.164.202.847
Số dư đầu năm nay	508.000.001.467	(227.835.798.620)	280.164.202.847
Lãi/lỗ trong năm nay	-	8.908.948.846	8.908.948.846
Số dư cuối năm nay	508.000.001.467	(218.926.849.774)	289.073.151.693

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	93,68%	475.876.533.387	93,68%	475.876.533.387
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	4,77%	24.208.538.080	4,77%	24.208.538.080
Các cổ đông khác	1,55%	7.914.930.000	1,55%	7.914.930.000
	100%	508.000.001.467	100%	508.000.001.467

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp đầu năm	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp cuối năm	508.000.001.467	508.000.001.467

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 49 năm, từ năm 2008 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là: 53.133,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Tài sản nhận giữ hộ

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Phôi nhận gửi (tấn)	25.157,228 ✓	19.065,278 ✓
- Thép nhận gửi (tấn)	39.843,822 ✓	11.509,130 ✓

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	6.066.998.508.373 ✓	4.311.770.772.304 ✓
	<u>6.066.998.508.373</u> ✓	<u>4.311.770.772.304</u> ✓
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<u>5.962.081.359.518</u> ✓	<u>4.196.595.422.523</u> ✓

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	đã điều chỉnh VND
Giá vốn của hàng đã bán	5.991.812.076.154 ✓	4.219.338.485.620 ✓
	<u>5.991.812.076.154</u>	<u>4.219.338.485.620</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<u>5.622.525.343.758</u>	<u>3.814.564.132.602</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.189.177 ✓	8.032.589 ✓
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.969 ✓
	<u>9.189.177</u> ✓	<u>8.035.558</u> ✓

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	đã điều chỉnh VND
Lãi tiền vay	47.385.685.442 ✓	55.996.760.559 ✓
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	150.449.677 ✓	202.498.274 ✓
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	360.342 ✓
Chi phí tài chính khác	-	2.348 ✓
	<u>47.536.135.119</u> ✓	<u>56.199.621.523</u> ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.250.198	9.233.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.723.302	201.097.247
Chi phí khác bằng tiền	14.650.000	42.019.545
	<u>174.623.500</u>	<u>252.349.817</u>

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	777.128.674	723.823.773
Chi phí nhân công	5.831.287.356	4.743.342.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.095.364.383	1.009.398.283
Thuế, phí, lệ phí	258.409.065	258.409.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.299.058.132	2.099.520.434
Chi phí khác bằng tiền	3.471.040.485	3.242.027.800
	<u>13.732.288.095</u>	<u>12.076.521.832</u>

25 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Thu từ bán xi bùn, vảy cán	-	3.806.088.750
Thép phế thu hồi sau cán	112.500.000	1.430.227.800
Thu nhập khác	61.806.231	181.495.952
	<u>174.306.231</u>	<u>5.417.812.502</u>

26 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Chi phí thu hồi xi bùn, vảy cán	-	400.748.253
Phạt chậm nộp thuế	50.904.672	-
Chi phí khác	22.939.625	58.525.522
	<u>73.844.297</u>	<u>459.273.775</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020 đã điều chỉnh
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.853.036.616	28.870.367.797
Các khoản điều chỉnh tăng	10.867.402.233	13.789.358.315
- Chi phí không hợp lệ	10.867.402.233	13.789.358.315
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(42.659.726.112)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(42.659.726.112)
Thu nhập chịu thuế TNDN	24.720.438.849	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.944.087.770	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.320.000.000)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.624.087.770	-

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.908.948.846	28.870.367.797
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.908.948.846	28.870.367.797
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.800.000	50.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	175	568

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.912.692.656.127	4.045.385.439.376
Chi phí nhân công	40.921.364.475	32.575.854.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.057.591.399	61.049.008.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.675.756.851	15.034.302.252
Chi phí khác bằng tiền	11.261.780.753	9.896.966.033
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	6.044.609.149.605	4.163.941.570.205

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.595.815.784 ✓	-	2.037.917.025 ✓	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	419.827.147.253 ✓	(174.280.953) ✓	469.296.134.677 ✓	(174.280.953) ✓
	<u>423.422.963.037 ✓</u>	<u>(174.280.953) ✓</u>	<u>471.334.051.702 ✓</u>	<u>(174.280.953) ✓</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			496.765.522.186 ✓	586.834.066.994 ✓
Phải trả người bán, phải trả khác			557.920.024.763 ✓	531.107.767.005 ✓
Chi phí phải trả			534.273.161 ✓	885.408.163 ✓
			<u>1.055.219.820.110 ✓</u>	<u>1.118.827.242.162 ✓</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền	3.595.815.784	-	-	3.595.815.784
Phải thu khách hàng, phải thu khác	419.652.866.300	-	-	419.652.866.300
	<u>423.248.682.084</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>423.248.682.084</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền	2.037.917.025	-	-	2.037.917.025
Phải thu khách hàng, phải thu khác	469.121.853.724	-	-	469.121.853.724
	<u>471.159.770.749</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>471.159.770.749</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	298.542.235.129	198.223.287.057	-	496.765.522.186
Phải trả người bán, phải trả khác	557.920.024.763	-	-	557.920.024.763
Chi phí phải trả	534.273.161	-	-	534.273.161
	<u>856.996.533.053</u>	<u>198.223.287.057</u>	<u>-</u>	<u>1.055.219.820.110</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	318.610.779.937	268.223.287.057	-	586.834.066.994
Phải trả người bán, phải trả khác	531.107.767.005	-	-	531.107.767.005
Chi phí phải trả	885.408.163	-	-	885.408.163
	<u>850.603.955.105</u>	<u>268.223.287.057</u>	<u>-</u>	<u>1.118.827.242.162</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
		VND	VND
Doanh thu		5.962.081.359.518 ✓	4.196.595.422.523 ✓
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	5.962.081.359.518 ✓	4.196.595.422.523 ✓
Mua hàng		5.622.525.343.758 ✓	3.814.564.132.602 ✓
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	5.622.525.343.758 ✓	3.814.564.132.602 ✓

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
		VND	VND
Phải thu khách hàng		419.397.379.685 ✓	468.797.795.235 ✓
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	419.397.379.685	468.797.795.235
Phải trả người bán		534.370.253.967 ✓	504.777.520.129 ✓
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	534.370.253.967	504.777.520.129

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
		VND	VND
Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc			
Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch HĐQT	74.700.000 ✓	58.000.000 ✓
Ông Trần Tuấn	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	430.813.159 ✓	386.672.360 ✓
Ông Phạm Thế Dũng	Ủy viên HĐQT, P. Tổng Giám đốc	334.832.767 ✓	314.343.695 ✓
Ông Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	267.278.367 ✓	323.093.295 ✓
Ông Nguyễn Đức Lợi	Phó Tổng Giám đốc	85.217.000 ✓	-

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 căn cứ Biên bản kiểm tra năm 2020 của Kiểm toán nhà nước. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2020 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
a) Bảng Cân đối kế toán					
Hàng tồn kho	141	25.117.594.627	25.441.906.925	324.312.298	(1)
Tài sản cố định hữu hình	221	1.258.116.380.036	1.258.140.262.995	23.882.959	(2)
- Nguyên giá	222	1.258.116.380.036	1.258.140.262.995	23.882.959	(2)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(228.183.993.877)	(227.835.798.620)	348.195.257	(1)
LNST chưa phân phối năm nay	421b	28.522.172.540	28.870.367.797	348.195.257	(2)
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	4.219.662.797.918	4.219.338.485.620	(324.312.298)	(1)
Chi phí tài chính	22	56.223.504.482	56.199.621.523	(23.882.959)	(2)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	28.522.172.540	28.870.367.797	348.195.257	(1)
c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	28.522.172.540	28.870.367.797	348.195.257	(1)
Chi phí lãi vay	06	56.020.643.518	55.996.760.559	(23.882.959)	(2)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	19.512.214.775	19.187.902.477	(324.312.298)	(1)
Tiền lãi vay đã trả	14	(95.060.859.602)	(95.036.976.643)	23.882.959	(2)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.954.997.000)	(2.978.879.959)	(23.882.959)	(2)

Ghi chú:

(1): Xác định lại khối lượng vảy cán và vảy cán mịn tại 31/12/2020 số tiền 228.161.800 đồng và giá trị thép phế tồn kho trong quá trình sản xuất theo giá bán tại 31/12/2020 số tiền 96.150.498 đồng.

(2): Hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định đối với chi phí lãi vay đủ điều kiện vốn hóa số tiền 23.882.959 đồng.

UAB

Minh Châu



Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng

Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2021	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên						
1	HĐ vay ngắn hạn số 76.02/2020/2573181/HĐTD	30/08/2021	6,5%	5 tháng	5.260.172.992	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
2	HĐ vay ngắn hạn số 77.02/2020/2573181/HĐTD	08/09/2021	6,5%	5 tháng	3.274.811.785	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
3	HĐ vay ngắn hạn số 78.02/2020/2573181/HĐTD	14/09/2021	6,5%	5 tháng	5.132.391.367	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
4	HĐ vay ngắn hạn số 79.02/2020/2573181/HĐTD	20/09/2021	6,5%	5 tháng	18.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
5	HĐ vay ngắn hạn số 80.02/2020/2573181/HĐTD	22/09/2021	6,5%	5 tháng	25.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
6	HĐ vay ngắn hạn số 81.02/2020/2573181/HĐTD	23/09/2021	6,5%	5 tháng	30.244.152.935	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
7	HĐ vay ngắn hạn số 82.02/2020/2573181/HĐTD	27/09/2021	6,5%	5 tháng	2.036.568.765	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
8	HĐ vay ngắn hạn số 01.01/2021/2573181/HĐTD	28/10/2021	6,5%	5 tháng	9.086.899.972	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
9	HĐ vay ngắn hạn số 02.01/2021/2573181/HĐTD	08/11/2021	6,5%	5 tháng	4.171.213.673	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
10	HĐ vay ngắn hạn số 03.01/2021/2573181/HĐTD	15/11/2021	6,5%	5 tháng	3.179.681.355	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
11	HĐ vay ngắn hạn số 04.01/2021/2573181/HĐTD	17/11/2021	6,5%	5 tháng	4.170.894.327	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
12	HĐ vay ngắn hạn số 05.01/2021/2573181/HĐTD	19/11/2021	6,5%	5 tháng	5.131.177.108	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
13	HĐ vay ngắn hạn số 06.01/2021/2573181/HĐTD	26/11/2021	6,5%	5 tháng	2.819.273.073	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
14	HĐ vay ngắn hạn số 07.01/2021/2573181/HĐTD	30/11/2021	6,5%	5 tháng	1.322.107.492	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
15	HĐ vay ngắn hạn số 08.01/2021/2573181/HĐTD	02/12/2021	6,5%	5 tháng	4.798.159.206	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
16	HĐ vay ngắn hạn số 09.01/2021/2573181/HĐTD	14/12/2021	6,5%	5 tháng	22.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
17	HĐ vay ngắn hạn số 10.01/2021/2573181/HĐTD	15/12/2021	6,5%	5 tháng	24.450.964.372	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
18	HĐ vay ngắn hạn số 11.01/2021/2573181/HĐTD	20/12/2021	6,5%	5 tháng	3.292.032.700	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
19	HĐ vay ngắn hạn số 12.01/2021/2573181/HĐTD	27/12/2021	6,5%	5 tháng	2.450.826.075	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
20	HĐ vay ngắn hạn số 13.01/2021/2573181/HĐTD	28/12/2021	6,5%	5 tháng	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
21	HĐ vay ngắn hạn số 14.01/2021/2573181/HĐTD	29/12/2021	6,5%	5 tháng	22.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
22	HĐ vay ngắn hạn số 15.01/2021/2573181/HĐTD	30/12/2021	6,5%	5 tháng	10.720.907.932	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
	Tổng cộng				228.542.235.129		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

PHỤ LỤC 2 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng - Số hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2021	Số dư đến hạn trả trong 12 tháng	Phương thức đảm bảo (*)
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên				116.864.876.210	30.499.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	116.864.876.210	30.499.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang				52.813.168.697	13.783.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	52.813.168.697	13.783.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)				35.190.897.579	9.184.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	35.190.897.579	9.184.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân Hàng NN&PT Nông thôn CN Thái Nguyên				28.163.446.993	7.350.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	28.163.446.993	7.350.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Lưu xá (TN)				17.595.448.789	4.592.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	17.595.448.789	4.592.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên				17.595.448.789	4.592.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	17.595.448.789	4.592.000.000	Tài sản thế chấp
	Tổng cộng			268.223.287.057	70.000.000.000	

(*): Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

